

CPA VIETNAM

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM

Bản tin pháp luật

Tháng 12-2020

MỤC LỤC tháng 12/2020

I. HỎI ĐÁP VỀ CHÍNH SÁCH THUẾ

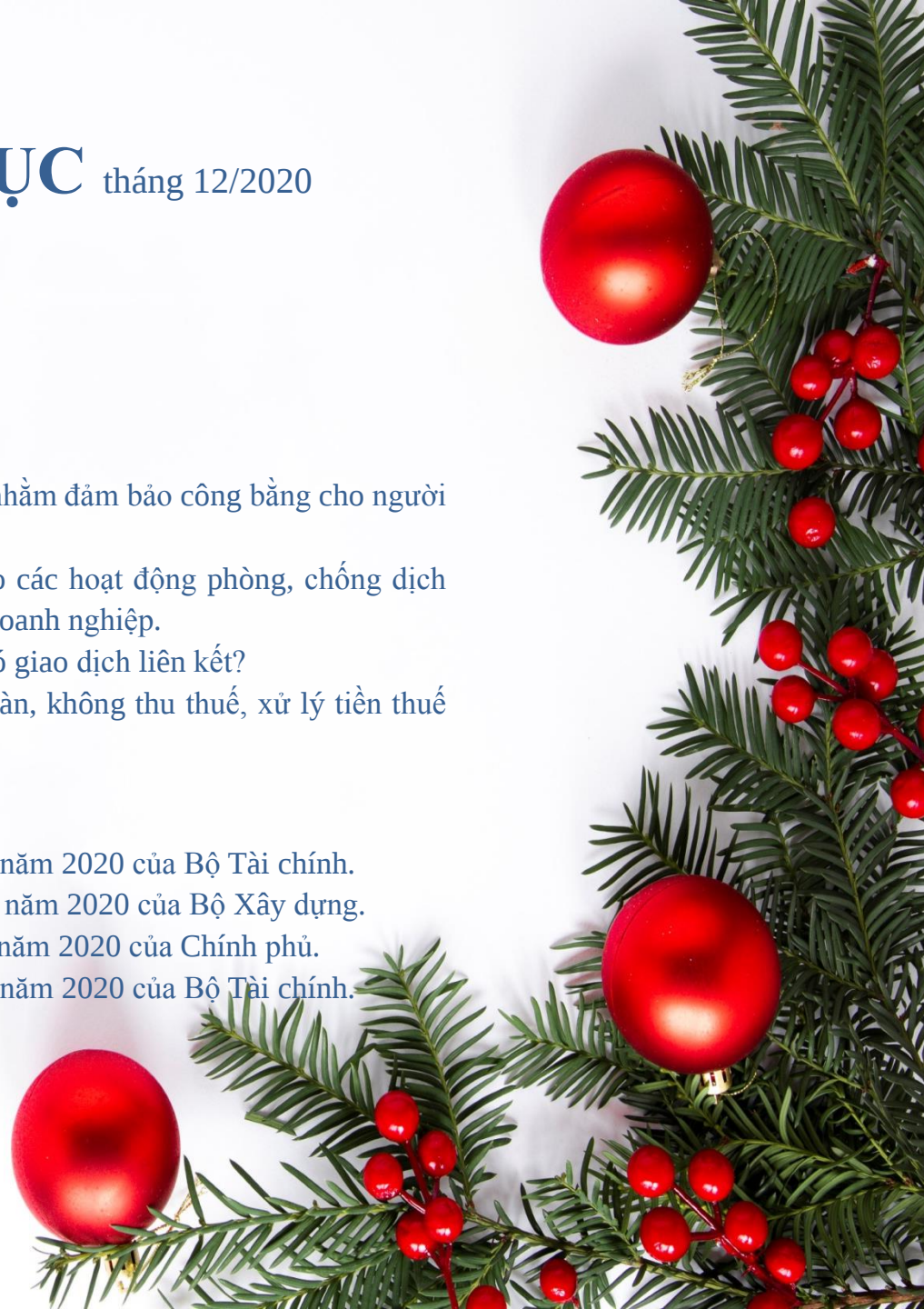
- Hỏi đáp.
- Các công văn liên quan đến chính sách thuế.

II. KIẾN THỨC PHÁP LUẬT

- Quy định tại khoản 6 Điều 8 Nghị định số 126 nhằm đảm bảo công bằng cho người nộp thuế.
- Cho phép trừ các khoản chi ủng hộ, tài trợ cho các hoạt động phòng, chống dịch covid-19 khi xác định thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp.
- Các chi phí để tính thuế đối với doanh nghiệp có giao dịch liên kết?
- Chính thức triển khai Hệ thống miễn, giảm, hoàn, không thu thuế, xử lý tiền thuế nộp thừa điện tử.

III. VĂN BẢN QUẢN LÝ CỦA NHÀ NƯỚC

- Thông tư số: 66/2020/TT-BTC ngày 10 tháng 7 năm 2020 của Bộ Tài chính.
- Thông tư số: 02/2020/TT-BXD ngày 20 tháng 7 năm 2020 của Bộ Xây dựng.
- Nghị định số: 88/2020/NĐ-CP ngày 28 tháng 7 năm 2020 của Chính phủ.
- Thông tư số: 73/2020/TT-BTC ngày 07 tháng 8 năm 2020 của Bộ Tài chính.



HỎI ĐÁP VỀ CHÍNH SÁCH THUẾ

4 - 14

Hỏi đáp

15 - 21

Các công văn liên quan đến chính sách thuế

HỎI ĐÁP

1. Hỏi:

Kính thưa BTC! Tôi muốn hỏi về nghiệp vụ mua TSCĐ từ nguồn thu học phí (thu dịch vụ). Nghiệp vụ này thông tư 107/2017/TT-BTC nói chưa rõ ràng. Tôi đọc có một số tài liệu có hướng dẫn là khi mua TSCĐ từ nguồn học phí định khoản là: N211/C1121, N4212/C43142 (Giá trị còn lại của TSCĐ là TK 43142). Nhưng cũng có một số tài liệu có hướng dẫn là N211/C1121 (Giá trị còn lại của TSCĐ là TK 4212). Và nghiệp vụ hao mòn TSCĐ mua từ nguồn học phí hạch toán như nào ạ? Kính mong BTC trả lời để đơn vị làm theo đúng quy định.

Trả lời:**1. Quy định về trích lập Quỹ:**

Khoản 3 Điều 12 NĐ 16/2015/NĐ-CP quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập quy định: Hàng năm, sau khi hạch toán đầy đủ các khoản chi phí, nộp thuế và các khoản nộp NSNN khác (nếu có) theo quy định, phần chênh lệch thu lớn hơn chi thường xuyên (nếu có), đơn vị được sử dụng để trích lập 4 Quỹ theo quy định. Phần chênh lệch thu lớn hơn chi còn lại (nếu có) sau khi đã trích lập các quỹ theo quy định được bổ sung vào Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp. Cũng theo quy định tại Khoản 3 Điều 12 Nghị định 16/2015/NĐ-CP, trong số các quỹ thì chỉ có Quỹ PTHĐSN là được sử dụng để đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, mua sắm trang thiết bị, phương tiện làm việc.

2. Khi thực hiện mua sắm TSCĐ, đơn vị cần tuân thủ theo các quy định về cơ chế tài chính, về mua sắm TSCĐ, tình hình tài chính của đơn vị, và được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định. Trường hợp đơn vị thực hiện mua TSCĐ từ nguồn dịch vụ, phải bố trí kinh phí, cân đối nguồn trong năm.

Về hạch toán kế toán: khi mua tài sản cố định sẽ ghi tăng TSCĐ và ghi nhận chi phí trong quá trình sử dụng tài sản (dưới dạng hao mòn hoặc khấu hao).

Hạch toán kế toán khi mua sắm TSCĐ từ nguồn thu dịch vụ:

- Khi thực hiện mua sắm TSCĐ, ghi:

Nợ TK 211- Tài sản cố định hữu hình

Có TK 111, 112, 331, ... (còn tiếp)

HỎI ĐÁP

1. Hỏi:

Kính thưa BTC! Tôi muốn hỏi về nghiệp vụ mua TSCĐ từ nguồn thu học phí (thu dịch vụ). Nghiệp vụ này thông tư 107/2017/TT-BTC nói chưa rõ ràng. Tôi đọc có một số tài liệu có hướng dẫn là khi mua TSCĐ từ nguồn học phí định khoản là: N211/C1121, N4212/C43142 (Giá trị còn lại của TSCĐ là TK 43142). Nhưng cũng có một số tài liệu có hướng dẫn là N211/C1121 (Giá trị còn lại của TSCĐ là TK 4212). Và nghiệp vụ hao mòn TSCĐ mua từ nguồn học phí hạch toán như nào ạ? Kính mong BTC trả lời để đơn vị làm theo đúng quy định.

Trả lời: (tiếp)

- Cuối năm, khi đơn vị xác định thặng dư thâm hụt để trích lập các Quỹ theo quy định của cơ chế tài chính hiện hành, phân kinh phí đã bố trí mua sắm TSCĐ đơn vị cần phải theo dõi nguồn hình thành tài sản, hạch toán:

Nợ TK 421- Thặng dư (thâm hụt) lũy kế

Có TK 431- Các quỹ (43142)

Trường hợp phát sinh nhiều nghiệp vụ trong năm thì bút toán này đơn vị có thể hạch toán đồng thời khi mua TSCĐ để tránh nhầm lẫn.

- Về hạch toán hao mòn TSCĐ mua từ nguồn dịch vụ (trong đó có học phí):

+ Căn cứ thực tế đơn vị sử dụng TSCĐ cho hoạt động nào sẽ thực hiện tính hao mòn hoặc trích khấu hao TSCĐ cho phù hợp, hạch toán kế toán như sau:

Nợ TK 611 (nếu TSCĐ dùng cho hoạt động hành chính)

Nợ TK 154, 642 (nếu TSCĐ dùng cho hoạt động sản xuất kinh doanh-dịch vụ)

Có TK 214- Khấu hao và hao mòn lũy kế TSCĐ

+ Cuối năm, kết chuyển số hao mòn và khấu hao đã tính (trích) trong năm:

Nợ TK 431- Các quỹ (43142)

Có TK 421- Thặng dư (thâm hụt) lũy kế (số hao mòn đã tính)

Có TK 431- Các quỹ (43141) (số khấu hao đã trích)

HỎI ĐÁP

2. Hỏi:

Tôi xin thắc mắc về thông tư 10/2020/TT-BTC ngày 20/02/2020. Theo biểu mẫu số 04/QDTA giá trị đề nghị quyết toán liệt kê tách chi phí xây dựng, chi phí hạng mục chung, chi phí dự phòng. Tuy nhiên, Với dự án có quy mô nhỏ, giá gói thầu bao gồm chi phí xây dựng, chi phí hạng mục chung, chi phí dự phòng, trong đó chi phí dự phòng được Nhà thầu phân bổ vào giá thành các công việc nên không có cơ sở tách ra liệt kê vào biểu 04/QDTA. Vậy xin Bộ Tài chính hướng dẫn để tháo gỡ thắc mắc trên.

**Trả lời:**

Tại Điều 3 Thông tư số 10/2020/TT-BTC ngày 20/02/2020 của Bộ Tài chính quy định như sau:

“Chi phí đầu tư được quyết toán là toàn bộ chi phí hợp pháp thực hiện trong quá trình đầu tư để đưa dự án vào khai thác, sử dụng. Chi phí hợp pháp là toàn bộ các khoản chi phí thực hiện trong phạm vi dự án, dự toán được duyệt và hợp đồng đã ký kết phù hợp với quy định của pháp luật (đối với những công việc thực hiện theo hợp đồng) kể cả phần điều chỉnh, bổ sung được duyệt theo quy định và đúng thẩm quyền. Chi phí đầu tư được quyết toán phải nằm trong giới hạn tổng mức đầu tư được duyệt hoặc được điều chỉnh, bổ sung theo quy định của pháp luật.”

Tại Điều 14 Thông tư số 10/2020/TT-BTC quy định như sau:

“Căn cứ tổng mức đầu tư được duyệt và báo cáo theo Mẫu số 04/QTDA, cơ quan chủ trì thẩm tra quyết toán thực hiện thẩm tra theo cơ cấu chi phí ghi trong tổng mức đầu tư: Chi phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư, chi phí xây dựng, chi phí thiết bị, chi phí quản lý dự án, chi phí tư vấn đầu tư xây dựng, chi phí khác.”

Theo quy định của Luật Đấu thầu và Luật Xây dựng, dự toán giá gói thầu xây dựng được cấp có thẩm quyền phê duyệt bao gồm cả chi phí dự phòng. Do đó, Mẫu số 04/QTDA ghi các nội dung chi phí đầu tư đề nghị quyết toán, trong đó dự án, dự toán được duyệt hoặc điều chỉnh các khoản chi phí theo cơ cấu chi phí ghi trong tổng mức đầu tư và giá trị đề nghị quyết toán theo cơ cấu chi phí hợp pháp đã thực hiện trong quá trình đầu tư.

HỎI ĐÁP

3. Hỏi:

Kính gửi Quý bộ. Người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam dưới hình thức di chuyển nội bộ doanh nghiệp thì không thuộc đối tượng tham gia BHYT bắt buộc có đúng không?

Trả lời:**BHXH Việt Nam trả lời vấn đề này như sau:**

Ngày 31/1/2020, Bộ Y tế có Công văn số 389/BYT-BH trả lời Công văn số 4891/BHXH-BT ngày 30/12/2019 của BHXH Việt Nam về vướng mắc đóng BHYT cho lao động nước ngoài. Theo nội dung trả lời tại Công văn số 389/BYT-BH thì người lao động là người nước ngoài làm việc tại Việt Nam theo hình thức di chuyển nội bộ doanh nghiệp quy định tại Khoản 1 Điều 3 Nghị định số 11/2016/NĐ-CP của Chính phủ về lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam không thuộc đối tượng tham gia BHYT với các lý do sau:

Thứ nhất, tại Khoản 2 Điều 1 Luật BHYT đã quy định: Luật BHYT áp dụng đối với tổ chức, cá nhân nước ngoài tại Việt Nam có liên quan đến BHYT. Nhưng trong nội dung của Luật BHYT, cụ thể là Điều 12 chưa quy định cụ thể đối tượng này tham gia BHYT.

Thứ hai, tại Nghị định số 146/2018/NĐ-CP ngày 17/10/2018 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật BHYT chưa quy định rõ cơ chế áp dụng đối với nhóm đối tượng này.

Như vậy, pháp luật BHYT không quy định việc áp dụng đối với đối tượng người nước ngoài làm việc tại Việt Nam theo hình thức di chuyển nội bộ doanh nghiệp.

HỎI ĐÁP

4. Hỏi:

Kính gửi Quý bộ. Công ty tôi chuyên kinh doanh vận tải, trả lương cố định cho lái xe 4.730.000 đồng/tháng, là mức lương cơ bản để đóng BHXH, ngoài ra hằng tháng trả thêm 13% doanh thu chạy hàng. Vậy, 13% doanh thu này có tính đóng BHXH không?

Trả lời:**BHXH Việt Nam trả lời vấn đề này như sau:**

Căn cứ quy định tại Khoản 2 Điều 89 Luật BHXH năm 2014, tại Khoản 1 và Khoản 2 Điều 17 Nghị định số 115/2015/NĐ-CP ngày 11/11/2015 của Chính phủ.

Theo Khoản 3 Điều 30 Thông tư số 59/2015/TT-BLĐTBXH ngày 29/12/2015 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội, tiền lương tháng làm căn cứ đóng BHXH, BHYT đối với người lao động theo chế độ tiền lương do người sử dụng lao động quyết định từ ngày 1/1/2016 đến ngày 31/12/2017 là mức lương, phụ cấp lương và từ ngày 1/1/2018 là mức lương, phụ cấp lương và các khoản bổ sung khác theo quy định của pháp luật ghi trong hợp đồng lao động.

Mức lương, phụ cấp lương và các khoản bổ sung khác theo quy định của pháp luật về lao động ghi trong hợp đồng lao động được quy định tại Khoản 1, Điểm a Khoản 2 và Điểm a Khoản 3 Điều 4 của Thông tư số 47/2015/TT-BLĐTBXH ngày 16/11/2015 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện một số điều về hợp đồng lao động, kỷ luật lao động, trách nhiệm vật chất của Nghị định số 05/2015/NĐ-CP ngày 12/1/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số nội dung của Bộ luật Lao động.

Đề nghị độc giả đối chiếu với quy định trên để phối hợp với công ty vận tải nơi công tác thực hiện tiền lương tháng làm căn cứ đóng BHXH theo đúng quy định để bảo đảm quyền lợi cho người lao động.

HỎI ĐÁP

5. Hỏi:

Kính hỏi Quý bộ. Ban quản trị chung cư của tôi dự tính sử dụng một phần chi phí 2% chi phí bảo trì để lắp mái che tầng trệt (do thiết kế ban đầu chủ đầu tư không có hạng mục này). Mục đích của việc lắp đặt là để bảo vệ cư dân, đã có trường hợp vật rơi trúng vào cư dân bên dưới. Ban quản trị đã họp và được sự thống nhất của cư dân. Tôi xin hỏi, việc sử dụng chi phí như vậy có phù hợp với quy định hiện hành không?

Trả lời:

Căn cứ Điều 90 Luật Nhà ở 2014, kinh phí bảo trì chỉ được sử dụng để bảo trì các phần sở hữu chung của nhà chung cư, không được sử dụng cho việc quản lý vận hành nhà chung cư và các mục đích khác.

Việc sử dụng kinh phí bảo trì phải theo kế hoạch bảo trì được hội nghị nhà chung cư thông qua hằng năm và việc sử dụng kinh phí bảo trì phải có hóa đơn tài chính, có thanh toán, quyết toán theo quy định của pháp luật về tài chính. Theo Điều 34 của Thông tư số 02/2016/TT-BXD ngày 15/1/2016 của Bộ Xây dựng thì các hạng mục của nhà chung cư được sử dụng kinh phí bảo trì phần sở hữu chung để bảo trì bao gồm:

- Bảo trì các hạng mục và phần diện tích thuộc sở hữu chung quy định tại Điểm a và Điểm b Khoản 2 Điều 100 của Luật Nhà ở;
- Bảo trì hệ thống các thiết bị thuộc sở hữu chung của nhà chung cư, bao gồm thang máy, máy phát điện, máy bơm nước, thông gió, hệ thống cấp điện, hệ thống cấp, thoát nước; hệ thống cấp ga, lò sưởi trung tâm, phát thanh truyền hình, thông tin liên lạc, phòng cháy, chữa cháy, cột thu lôi và các thiết bị khác dùng chung cho nhà chung cư;
- Bảo trì hệ thống hạ tầng kỹ thuật bên ngoài kết nối với nhà chung cư; các công trình công cộng quy định tại Khoản 2 Điều 100 của Luật Nhà ở;
- Xử lý nước thải ứ nghẹt, hút bể phốt; cấy vi sinh cho hệ thống nước thải;
- Các hạng mục khác theo thỏa thuận trong hợp đồng mua bán, thuê mua căn hộ hoặc theo quy định của pháp luật về nhà ở.

HỎI ĐÁP

6. Hỏi:

Kính đề nghị cơ quan chức năng hướng dẫn tình huống như sau:

Ban quản lý dự án A (ban quản lý dự án chuyên ngành hoặc khu vực) được giao làm chủ đầu tư 1 dự án đầu tư xây dựng sử dụng vốn ngân sách Nhà nước. Phần nội dung công việc như: Giám sát thi công xây dựng... giao cho các tổ, đội, cá nhân thuộc ban quản lý dự án A thực hiện (bảo đảm năng lực theo quy định).

Cho tôi hỏi, khi lập kế hoạch lựa chọn nhà thầu dự án thì các nội dung công việc này đưa vào "Phần công việc không áp dụng được một trong các hình thức lựa chọn nhà thầu" hay đưa vào "Phần công việc thuộc kế hoạch lựa chọn nhà thầu" với hình thức lựa chọn nhà thầu là tự thực hiện?

Trả lời:**Bộ Kế hoạch và Đầu tư trả lời vấn đề này như sau:**

Điều 25 Luật Đấu thầu quy định tự thực hiện được áp dụng đối với gói thầu thuộc dự án, dự toán mua sắm trong trường hợp tổ chức trực tiếp quản lý, sử dụng gói thầu có năng lực kỹ thuật, tài chính và kinh nghiệm đáp ứng yêu cầu của gói thầu.

Điều 61 Nghị định số 63/2014/NĐ-CP của Chính phủ quy định điều kiện áp dụng hình thức tự thực hiện bao gồm:

- Có chức năng, nhiệm vụ, lĩnh vực hoạt động và ngành nghề kinh doanh phù hợp với yêu cầu của gói thầu;
- Phải chứng minh và thể hiện trong phương án tự thực hiện về khả năng huy động nhân sự, máy móc, thiết bị đáp ứng yêu cầu về tiến độ thực hiện gói thầu;
- Đơn vị được giao thực hiện gói thầu không được chuyển nhượng khối lượng công việc với tổng số tiền từ 10% giá gói thầu trở lên hoặc dưới 10% giá gói thầu nhưng trên 50 tỷ đồng.

Theo đó, đối với gói thầu tự vẫn giám sát, việc áp dụng hình thức tự thực hiện phải đáp ứng quy định nêu trên.

HỎI ĐÁP

7. Hỏi:

Xin hỏi:

Trường hợp công ty A là DN mới thành lập, chưa phát sinh hoạt động sản xuất kinh doanh, có vốn điều lệ là 100 tỷ đồng. Đăng ký thực hiện dự án với cơ cấu góp vốn như sau: Tổng vốn đầu tư: 400 tỷ đồng, trong đó: Vốn góp là 150 tỷ đồng; vốn huy động là 250 tỷ đồng. Công ty A đã được tổ chức tín dụng và công ty mẹ cam kết bảo đảm cung cấp tài chính để thực hiện dự án.

Cho tôi hỏi, công ty A có bảo đảm điều kiện về phần vốn góp theo quy định của Luật Đầu tư và doanh nghiệp hay không? Nếu chưa thì công ty A có cần phải tăng vốn điều lệ lên thành 150 tỷ đồng để bằng với số vốn góp đăng ký để thực hiện dự án hay không?

Trả lời:

Căn cứ Khoản 29 Điều 4 Luật Doanh nghiệp, vốn điều lệ là tổng giá trị tài sản do các thành viên đã góp hoặc cam kết góp khi thành lập công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty hợp danh; là tổng giá trị mệnh giá cổ phần đã bán hoặc đã được đăng ký mua khi thành lập doanh nghiệp đối với công ty cổ phần.

Căn cứ Khoản 2 Điều 3 Luật Đầu tư, dự án đầu tư là tập hợp đề xuất bỏ vốn trung hạn hoặc dài hạn để tiến hành các hoạt động đầu tư kinh doanh trên địa bàn cụ thể, trong thời gian xác định.

Căn cứ Khoản 18 Điều 3 Luật Đầu tư, vốn đầu tư là tiền và tài sản khác để thực hiện hoạt động đầu tư kinh doanh.

Căn cứ Khoản 15 Điều 2 Nghị định số 118/2015/NĐ-CP ngày 12/11/2015 của Chính phủ, vốn đầu tư của dự án là vốn góp của nhà đầu tư và vốn do nhà đầu tư huy động để thực hiện dự án được ghi tại Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư.

Căn cứ các quy định trên, vốn điều lệ của DN không nhất thiết phải tương đương với vốn đầu tư của Dự án. DN thực hiện việc góp vốn là huy động nguồn vốn khác để thực hiện Dự án.

Do vậy, việc công ty góp vốn để thực hiện dự án đầu tư là không trái với quy định. Trong quá trình thực hiện, công ty phải có đủ năng lực thực hiện dự án theo mục tiêu, nội dung, quy mô, tiến độ và các điều kiện khác theo quyết định chủ trương đầu tư và Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (nếu có).

HỎI ĐÁP

8. Hỏi:

Kính hỏi Quý Bộ. Công ty A và công ty B là nhà thầu liên danh trúng gói thầu xây lắp với tỷ lệ và khối lượng công việc như sau:

- A thực hiện thi công phần khối lượng cải tạo, nạo vét lòng sông với tỷ lệ 70% giá trị gói thầu.
- B thực hiện thi công phần khối lượng cầu giao thông và bảo đảm giao thông với tỷ lệ 30% giá trị gói thầu.

Trong quá trình lập hồ sơ dự thầu A có tính đến việc sử dụng thầu phụ khoảng 30% giá khối lượng công việc mình đảm nhận để bảo đảm tiến độ.

Nay B muốn làm thầu phụ cho A để thi công phần khối lượng cải tạo, nạo vét lòng sông với tỷ lệ khoảng 30%/70% của khối lượng A đã ký hợp đồng với chủ đầu tư. Trong đó, B lại chưa có chứng chỉ năng lực và kinh nghiệm hoạt động xây dựng về thủy lợi.

Ông Tân hỏi, khi A ký hợp đồng thầu phụ cho B với giá trị khoảng 30%/70% giá trị của A đã ký với chủ đầu tư có được không? A có phải xin phép chủ đầu tư và phải được chấp thuận từ chủ đầu tư không?

Nếu A và B ký hợp đồng thầu phụ với nhau mà không có văn bản chấp thuận của chủ đầu tư thì có vi phạm Luật Đấu thầu không? A và B là nhà thầu liên danh thì có được ký hợp đồng thầu phụ với nhau không?

Trả lời:

Theo hướng dẫn tại Mục 31 Chương I Mẫu hồ sơ mời thầu xây lắp ban hành kèm theo Thông tư số 03/2015/TT-BKHĐT ngày 6/5/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, nhà thầu chính được ký kết hợp đồng với các nhà thầu phụ trong danh sách các nhà thầu phụ kê khai theo Mẫu số 19(a) Chương IV - Biểu mẫu dự thầu.

Việc sử dụng nhà thầu phụ sẽ không làm thay đổi các trách nhiệm của nhà thầu chính. Nhà thầu chính phải chịu trách nhiệm về khối lượng, chất lượng, tiến độ và các trách nhiệm khác đối với phần công việc do nhà thầu phụ thực hiện.

Năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu phụ sẽ không được xem xét khi đánh giá hồ sơ dự thầu của nhà thầu chính (trừ trường hợp hồ sơ mời thầu quy định được phép sử dụng nhà thầu phụ đặc biệt). Bản thân nhà thầu chính phải đáp ứng các tiêu chí về năng lực và kinh nghiệm (không xét năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu phụ).

Trường hợp trong hồ sơ dự thầu, nếu nhà thầu chính không đề xuất sử dụng nhà thầu phụ cho một công việc cụ thể hoặc không dự kiến các công việc sẽ sử dụng nhà thầu phụ thì được hiểu là nhà thầu chính có trách nhiệm thực hiện toàn bộ các công việc thuộc gói thầu...(còn tiếp)

HỎI ĐÁP

8. Hỏi:

Kính hỏi Quý Bộ. Công ty A và công ty B là nhà thầu liên danh trúng gói thầu xây lắp với tỷ lệ và khối lượng công việc như sau:

- A thực hiện thi công phần khối lượng cải tạo, nạo vét lòng sông với tỷ lệ 70% giá trị gói thầu.
- B thực hiện thi công phần khối lượng cầu giao thông và bảo đảm giao thông với tỷ lệ 30% giá trị gói thầu.

Trong quá trình lập hồ sơ dự thầu A có tính đến việc sử dụng thầu phụ khoảng 30% giá khối lượng công việc mình đảm nhận để bảo đảm tiến độ.

Nay B muốn làm thầu phụ cho A để thi công phần khối lượng cải tạo, nạo vét lòng sông với tỷ lệ khoảng 30%/70% của khối lượng A đã ký hợp đồng với chủ đầu tư. Trong đó, B lại chưa có chứng chỉ năng lực và kinh nghiệm hoạt động xây dựng về thủy lợi.

Ông Tân hỏi, khi A ký hợp đồng thầu phụ cho B với giá trị khoảng 30%/70% giá trị của A đã ký với chủ đầu tư có được không? A có phải xin phép chủ đầu tư và phải được chấp thuận từ chủ đầu tư không?

Nếu A và B ký hợp đồng thầu phụ với nhau mà không có văn bản chấp thuận của chủ đầu tư thì có vi phạm Luật Đấu thầu không? A và B là nhà thầu liên danh thì có được ký hợp đồng thầu phụ với nhau không?

Trả lời: (tiếp)

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, nếu phát hiện việc sử dụng nhà thầu phụ thì nhà thầu chính sẽ được coi là vi phạm hành vi “chuyển nhượng thầu” theo quy định tại Mục 3 Chỉ dẫn nhà thầu. Nhà thầu chính không được sử dụng nhà thầu phụ cho công việc khác ngoài công việc đã kê khai sử dụng nhà thầu phụ nêu trong hồ sơ dự thầu; việc thay thế, bổ sung nhà thầu phụ ngoài danh sách đã nêu trong hồ sơ dự thầu và việc sử dụng nhà thầu phụ vượt quá tỷ lệ theo quy định tại Mục 31.2 - Bảng dữ liệu đấu thầu. Chỉ dẫn nhà thầu chỉ được thực hiện khi có lý do xác đáng, hợp lý và được chủ đầu tư chấp thuận; trường hợp sử dụng nhà thầu phụ cho công việc khác ngoài công việc đã kê khai sử dụng nhà thầu phụ, ngoài danh sách các nhà thầu phụ đã nêu trong hồ sơ dự thầu mà chưa được chủ đầu tư chấp thuận được coi là hành vi “chuyển nhượng thầu”.

Đối với vấn đề của ông Tân, việc quản lý, ký kết hợp đồng với nhà thầu phụ phải tuân thủ hướng dẫn nêu trên.

Liên quan đến chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng, đề nghị ông liên hệ với Bộ Xây dựng để được hướng dẫn cụ thể.

HỎI ĐÁP

9. Hỏi:

Kính gửi Bộ Tài chính, tôi rất mong Bộ Tài chính tư vấn trả lời giúp đơn vị nội dung như sau: - Đơn vị của tôi là đơn vị sự nghiệp công lập có thu đang áp dụng chế độ kế toán theo Thông tư 107/2017/TT-BTC ngày 10/10/2017 trong quá trình hoạt động có phát sinh các khoản thu khó đòi. Vậy xin hỏi Bộ Tài chính đơn vị có được trích quỹ nợ phải thu khó đòi không? (Thông tư 107 không có tài khoản hạch toán). Nếu được trích thì quy định ở đâu, hạch toán thế nào? Việc xóa nợ các khoản thu khó đòi quy định ở đâu? Đơn vị có áp dụng được việc xóa nợ theo Thông tư 228/2009/TT-BTC không? Xin chân thành cảm ơn

Trả lời:

Hiện nay chế độ kế toán hành chính sự nghiệp ban hành theo Thông tư 107/2017/TT-BTC của Bộ Tài chính không có hướng dẫn; đồng thời hỏi về việc đơn vị áp dụng Thông tư 228/2009/TT-BTC. Về vấn đề này Cục Quản lý giám sát Kế toán, Kiểm toán- Bộ Tài chính có ý kiến như sau:

1. Cơ chế tài chính hiện nay áp dụng cho đơn vị sự nghiệp công lập không có quy định về việc trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi. Theo đó chế độ kế toán hành chính sự nghiệp ban hành theo Thông tư 107/2017/TT-BTC của Bộ Tài chính không hướng dẫn tài khoản hạch toán trong trường hợp này.
2. Trường hợp đơn vị phát sinh khoản thu khó đòi mà xét thấy không có khả năng thu hồi thì có văn bản báo cáo cơ quan có thẩm quyền (đơn vị cấp trên trực tiếp hoặc cơ quan tài chính đồng cấp) xin ý kiến về việc xử lý khoản thu khó đòi này. Căn cứ vào phương án xử lý đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt, kế toán hạch toán theo quy định.
3. Thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, dự phòng tổn thất các khoản đầu tư tài chính, dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp, vì vậy đơn vị sự nghiệp công lập không là đối tượng áp dụng Thông tư này.

CÁC CÔNG VĂN LIÊN QUAN ĐẾN CHÍNH SÁCH THUẾ

1. Công văn số: 95657/CT-TTHT ngày 02 tháng 11 năm 2020 của Cục Thuế TP Hà Nội về việc kê khai hoàn thuế GTGT đối với chương trình, dự án hỗ trợ phát triển, trợ giúp nhân đạo tại Việt Nam.

Trả lời công văn số 46/AEA/2020 đề ngày 14/09/2020 của Văn phòng dự án tại Hà Nội Việt Nam Tổ chức Aide et Action (AeA), Cục Thuế TP Hà Nội có ý kiến như sau:

- Căn cứ khoản 19 Điều 4 Thông tư số 219/2013/TT-BTC ngày 31/12/2013 hướng dẫn thi hành Luật thuế giá trị gia tăng và Nghị định số 209/2013/NĐ-CP ngày 18/12/2013 của Chính phủ.

- Căn cứ tiết b điểm 6 khoản 3 điều 1 Thông tư số 130/2016/TT-BTC ngày 12/8/2016 hướng dẫn Nghị định 100/2016/NĐ-CP ngày 01/07/2016 của Chính phủ.

- Căn cứ Điều 51 Chương II Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 06/11/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quản lý thuế số 78/2006/QH11; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật quản lý thuế số 21/2012/QH13 và Nghị định số 83/2013/NĐ-CP ngày 22/7/2013 của Chính phủ.

- Căn cứ Luật số Quản lý thuế số 38/2019/QH14 ngày 13/06/2019 của Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam.

- Căn cứ Giấy đăng ký thành lập văn phòng đại diện tại Việt Nam số 01/CNV-VPĐD ngày 12/04/2018 của Cục Ngoại vụ

- Bộ Ngoại giao về việc chấp thuận cho tổ chức Aide et Action (AeA) được thành lập văn phòng dự án tại Hà Nội để thực hiện các chương trình/dự án hỗ trợ phát triển và/hoặc trợ giúp nhân đạo.

Căn cứ các quy định trên, trường hợp AeA là tổ chức phi chính phủ nước ngoài trực tiếp mua hàng hóa, dịch vụ tại Việt Nam để viện trợ không hoàn lại, viện trợ nhân đạo cho Việt Nam thì không phải chịu thuế GTGT. Trường hợp tổ chức ở Việt Nam sử dụng tiền viện trợ nhân đạo của tổ chức, cá nhân nước ngoài để mua hàng hóa, dịch vụ tại Việt Nam để viện trợ nhân đạo, viện trợ không hoàn lại với giá đã có thuế GTGT thì được hoàn lại số thuế GTGT đã trả theo quy định tại tiết b điểm 6 khoản 3 điều 1 Thông tư số 130/2016/TT-BTC.

Về thủ tục, hồ sơ hoàn thuế được thực hiện như đối với trường hợp tổ chức Việt Nam sử dụng tiền viện trợ nhân đạo, viện trợ không hoàn lại của nước ngoài mua hàng hóa tại Việt Nam để viện trợ theo quy định tại Luật Quản lý thuế và các văn bản hướng dẫn thi hành.

Các khoản tiền, hàng viện trợ cho Việt Nam, các Tổ chức phi chính phủ nước ngoài phải được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt các khoản viện trợ và Tờ khai xác nhận viện trợ được Bộ Tài chính hoặc Sở Tài chính xác nhận về khoản tiền viện trợ của tổ chức phi chính phủ nước ngoài là một căn cứ để cơ quan thuế xem xét và thực hiện việc hoàn thuế, miễn thuế.

CÁC CÔNG VĂN LIÊN QUAN ĐẾN CHÍNH SÁCH THUẾ

Trường hợp AeA mua hàng hóa, dịch vụ để sử dụng cho hoạt động của văn phòng tại Việt Nam (bao gồm: thuê văn phòng, mua văn phòng phẩm, máy tính...), số thuế GTGT mua vào không phục vụ cho chương trình, dự án viện trợ không hoàn lại, viện trợ nhân đạo tại Việt Nam thì không được hoàn thuế GTGT đầu vào theo quy định.

Trong quá trình thực hiện chính sách thuế, trường hợp còn vướng mắc, đơn vị liên hệ với Phòng quản lý hộ kinh doanh, cá nhân và thu khác để được hỗ trợ giải quyết.

Cục Thuế TP Hà Nội trả lời đề Văn phòng dự án tại Hà Nội Việt Nam Tổ chức Aide et Action được biết và thực hiện./.

2. Công văn số: 95835/CT-TTHT ngày 02 tháng 11 năm 2020 của Cục Thuế TP Hà Nội về việc kê khai thuế TNDN.

Trả lời công văn 433a/2020/CV-PAC-GĐ ngày 18/09/2020 của Công ty TNHH Nhựa đường Petrolimex về việc kê khai thuế TNDN (sau đây gọi tắt là "Công ty"), Cục Thuế TP Hà Nội có ý kiến như sau:

- Căn cứ Điều 23 Thông tư số 95/2016/TT-BTC ngày 28/06/2016 hướng dẫn về đăng ký thuế.
- Căn cứ Điều 12 Thông tư 151/2014/TT-BTC hướng dẫn thi hành Nghị định 91/2014/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều tại Nghị định quy định về thuế do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành sửa đổi Điều 12, Thông tư số 156/2013/TT-BTC quy định về khai thuế TNDN.

- Căn cứ Luật quản lý thuế số 38/2019/ ngày 13/6/2019 của Quốc hội

Căn cứ quy định trên, Cục Thuế TP Hà Nội hướng dẫn như sau:

Về nguyên tắc, trường hợp Công ty có Chi nhánh trực thuộc hạch toán độc lập thì Chi nhánh trực thuộc nộp hồ sơ khai thuế thu nhập doanh nghiệp phát sinh tại Chi nhánh trực thuộc cho cơ quan thuế quản lý trực tiếp Chi nhánh trực thuộc. Trường hợp Công ty có đơn vị trực thuộc nhưng hạch toán phụ thuộc thì Chi nhánh trực thuộc của Công ty không phải nộp hồ sơ khai thuế TNDN; khi nộp hồ sơ khai thuế TNDN, Công ty có trách nhiệm khai tập trung tại trụ sở chính cả phần phát sinh tại Chi nhánh trực thuộc.

Trường hợp Chi nhánh của Công ty chuyển đổi hình thức hạch toán độc lập sang phụ thuộc để Công ty khai thuế TNDN tập trung tại trụ sở chính thì Chi nhánh độc lập của Công ty có quyết định chuyển thành Chi nhánh trực thuộc của Công ty phải thực hiện đăng ký thuế lại để được cơ quan thuế cấp mã số thuế mới theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 8 Thông tư số 95/2016/TT-BTC. Khi có Quyết định chuyển đổi, Chi nhánh Công ty trước chuyển đổi phải làm thủ tục chấm dứt hiệu lực mã số thuế với cơ quan thuế theo quy định tại Điều 16, Điều 17 Thông tư số 95/2016/TT-BTC.

Đề nghị Công ty căn cứ tình hình thực tế tại đơn vị và đối chiếu với các văn bản quy phạm pháp luật nêu trên để kê khai và nộp thuế theo đúng quy định.

CÁC CÔNG VĂN LIÊN QUAN ĐẾN CHÍNH SÁCH THUẾ

3. Công văn số: 96966/CT-TTHT ngày 06 tháng 11 năm 2020 của Cục Thuế TP Hà Nội về việc hướng dẫn chính sách thuế nhà thầu.

Cục Thuế TP Hà Nội nhận được công văn số 323/CV-VIWASE ghi ngày 17/09/2020 của Công ty cổ phần nước và môi trường Việt Nam vướng mắc về chính sách thuế, Cục Thuế TP Hà Nội có ý kiến như sau:

- Căn cứ Thông tư số 103/2014/TT-BTC ngày 06/08/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện nghĩa vụ thuế áp dụng đối với tổ chức, cá nhân nước ngoài kinh doanh tại Việt Nam hoặc có thu nhập tại Việt Nam.

- Căn cứ Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 06/11/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành một số điều của Luật quản lý thuế số 78/2006/QH11 ngày 29/11/2006; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật quản lý thuế 21/2012/QH12 ngày 20/11/2012 và Nghị định số 83/2013/NĐ-CP ngày 22/7/2013 của Chính phủ.

- Căn cứ Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18/6/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Nghị định số 218/2013/NĐ-CP ngày 26/12/2013 của Chính phủ quy định và hướng dẫn thi hành Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp.

Căn cứ các quy định trên, trường hợp EXP International Services INC (Nhà thầu nước ngoài) có phát sinh thu nhập tại Việt Nam từ Hợp đồng về việc lập báo cáo nghiên cứu khả thi dự án hệ thống thoát nước và nhà máy xử lý nước

thải tại Lưu vực Bắc Sài Gòn 2, TP Hồ Chí Minh thì EXP International Services INC thuộc đối tượng chịu thuế nhà thầu theo quy định tại Thông tư số 103/2014/TT-BTC ngày 06/08/2014 của Bộ Tài chính.

- Về việc khai thuế trong trường hợp EXP International Services INC liên danh với Công ty cổ phần Nước và Môi trường Việt Nam để thực hiện kinh doanh tại Việt Nam thì đề nghị Công ty cổ phần Nước và Môi trường Việt Nam thực hiện theo hướng dẫn tại khoản 6 Điều 20 Thông tư số 156/2020/TT-BTC.

Đề nghị Công ty căn cứ vào tình hình thực tế và đối chiếu với các quy định tại văn bản pháp luật nêu trên để thực hiện đúng quy định.

Cục Thuế TP Hà Nội thông báo Công ty cổ phần nước và môi trường Việt Nam được biết và thực hiện./.

4. Công văn số: 97742/CT-TTHT ngày 10 tháng 11 năm 2020 của Cục Thuế TP Hà Nội về việc thuế GTGT hàng phi mậu dịch.

Trả lời công văn số 1410/FPT-FSC AF nhận ngày 19/10/2020 của Công ty TNHH dịch vụ tin học FPT (sau đây gọi tắt là "Công ty") hỏi về thuế GTGT hàng phi mậu dịch, Cục Thuế TP Hà Nội có ý kiến như sau:

- Căn cứ Thông tư số 112/2005/TT-BTC ngày 15/12/2005 của Bộ Tài chính hướng dẫn về thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát hải quan.

CÁC CÔNG VĂN LIÊN QUAN ĐẾN CHÍNH SÁCH THUẾ

- Căn cứ Thông tư số 219/2013/TT-BTC ngày 31/12/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành luật thuế GTGT và Nghị định số 209/2013/NĐ-CP ngày 18/12/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều luật thuế GTGT.

- Căn cứ Thông tư số 26/2015/TT-BTC ngày 27/02/2015 của Bộ Tài chính Hướng dẫn về thuế giá trị gia tăng và quản lý thuế tại Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12/02/2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các luật về thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định về thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 39/2014/TT-BTC ngày 31/3/2014 của Bộ Tài chính về hóa đơn bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ.

Căn cứ các quy định nêu trên, trường hợp Công ty có hoạt động nhập khẩu hàng hóa theo hình thức phi mậu dịch để phục vụ cho hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng hóa dịch vụ chịu thuế GTGT của Công ty thì thuộc trường hợp được khấu trừ đối với số thuế GTGT đầu vào của hàng hóa trên đã nộp ở khâu nhập khẩu theo nguyên tắc quy định tại Điều 14 Thông tư 219/2013/TT-BTC (đã được bổ sung tại Thông tư số 119/2014/TT-BTC ngày 25/8/2014 và sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 26/2015/TT-BTC ngày 27/02/2015 của Bộ Tài chính).

Cục Thuế TP Hà Nội trả lời đề Công ty TNHH dịch vụ tin học FPT được biết và thực hiện./.

5. Công văn số: 97746/CT-TTHT ngày 10 tháng 11 năm 2020 của Cục Thuế TP Hà Nội về việc Xác định thời gian giảm thuế TNDN.

Cục Thuế TP Hà Nội nhận được công văn số CVTRA2020-01 ngày 07/10/2020 của Công ty TNHH Trafigura Việt Nam, Cục Thuế TP Hà Nội có ý kiến như sau:

Trường hợp Công ty thuộc đối tượng quy định tại Điều 1 Nghị định số 114/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ đồng thời có tổng doanh thu năm 2020 không quá 200 tỷ đồng thì Công ty được giảm 30% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của năm 2020. Công ty căn cứ vào điều kiện được giảm thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của năm 2020 để tự xác định số thuế được giảm khi tạm nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo quý và quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2020 theo quy định tại Điều 2, Điều 3 Nghị định số 114/2020/NĐ-CP nêu trên.

Trường hợp Công ty áp dụng năm tài chính khác với năm dương lịch thì kỳ tính thuế thu nhập doanh nghiệp xác định theo năm tài chính áp dụng quy định tại Khoản 2, Điều 3 Thông tư 78/2014/TT-BTC ngày 18/6/2014 của Bộ Tài chính.

Cục Thuế TP Hà Nội trả lời đề Công ty TNHH Trafigura Việt Nam được biết và thực hiện./.

CÁC CÔNG VĂN LIÊN QUAN ĐẾN CHÍNH SÁCH THUẾ

6. Công văn số 101071 /CTHN - TTHT ngày 20 tháng 11 năm 2020 của Cục Thuế TP Hà Nội về việc khấu trừ thuế GTGT đối với TSCĐ của cơ sở khám chữa bệnh.

Cục Thuế TP Hà Nội nhận được công văn số 936/BVDL-TCKT ghi ngày 05/11/2020 của Bệnh viện Da Liễu Hà Nội vướng mắc về chính sách thuế, Cục Thuế TP Hà Nội có ý kiến như sau:

Căn cứ Thông tư số 219/2013/TT-BTC ngày 31/12/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Luật thuế giá trị gia tăng và Nghị định số 209/2013/NĐ-CP ngày 18/12/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều Luật thuế giá trị gia tăng.

Căn cứ Thông tư số 151/2014/TT-BTC ngày 10/10/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Nghị định số 91/2014/NĐ-CP ngày 01/10/2014 của Chính phủ.

Căn cứ các quy định trên, trường hợp Bệnh viện Da liễu Hà Nội có thực hiện xây dựng Khu khám chữa bệnh theo yêu cầu để cung cấp dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh theo quy định của pháp luật thì thuế GTGT đầu vào của tài sản cố định của cơ sở khám, chữa bệnh không được khấu trừ mà tính vào nguyên giá của tài sản cố định hoặc chi phí được trừ theo quy định của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp và các văn bản hướng dẫn thi hành theo hướng dẫn tại Điều 9 Thông tư số 151/2014/TT-BTC ngày 10/10/2014 của Bộ Tài chính.

7. Công văn số 101321/CT-TTHT ngày 23 tháng 11 năm 2020 của Cục Thuế TP Hà Nội về việc xuất khẩu dịch vụ sang nước ngoài.

Trả lời Công văn số 02/CVHD/2020 ngày 19/10/2020 của Công ty TNHH Dabeo Vina hỏi về việc sử dụng hóa đơn và điều kiện áp dụng thuế suất 0% khi xuất khẩu dịch vụ ra nước ngoài, Cục Thuế TP Hà Nội có ý kiến như sau:

Căn cứ Nghị định số 119/2018/NĐ-CP ngày 12/9/2018 của Chính phủ.

Căn cứ Điều 9 Thông tư 219/2013/TT-BTC ngày 31/12/2013 của Bộ Tài chính và Nghị định 209/2013/NĐ-CP ngày 18/12/2013 của Chính phủ.

Căn cứ Khoản 2 Điều 1 Thông tư 130/2016/TT-BTC ngày 12/8/2016 của Bộ Tài chính.

Căn cứ Thông tư 119/2014/TT-BTC ngày 25/8/2014 của Bộ Tài chính.

Căn cứ các quy định nêu trên, trường hợp công ty nộp thuế theo phương pháp khấu trừ có phát sinh hoạt động cung ứng dịch vụ thiết kế cho tổ chức ở nước ngoài đáp ứng điều kiện là dịch vụ xuất khẩu theo quy định tại Điều 9 Thông tư 219/2013/TT-BTC thì khi cung ứng dịch vụ này Công ty sử dụng hóa đơn thương mại theo hướng dẫn tại Khoản 7 Điều 3 Thông tư 119/2014/TT-BTC không cần lập hóa đơn GTGT cho hoạt động xuất khẩu theo quy định tại Khoản 1 Điều 5 Thông tư 119/2014/TT-BTC nêu trên.

CÁC CÔNG VĂN LIÊN QUAN ĐẾN CHÍNH SÁCH THUẾ

Hóa đơn thương mại không thuộc các loại hóa đơn điện tử theo quy định tại Điều 5 Nghị định 119/2018/NĐ-CP ngày 12/9/2018 của Chính phủ

Trường hợp dịch vụ cung ứng trực tiếp cho tổ chức nước ngoài và tiêu dùng ở Việt Nam thì áp dụng thuế xuất thuế GTGT 0% nếu đáp ứng các điều kiện quy định tại điểm b Khoản 2 Điều 9 và không thuộc các trường hợp quy định tại Khoản 3 Điều 9 Thông tư 219/2013/TT-BTC (đã được sửa đổi, bổ sung tại Khoản 2 Điều 1 Thông tư 130/2106/TT-BTC).

8. Công văn số 101966/CTHN-TTHT ngày 25 tháng 11 năm 2020 của Cục Thuế TP Hà Nội về việc thời điểm lập hóa đơn.

Cục thuế TP Hà Nội nhận được công văn hỏi đề ngày 6/11/2020 của Ông/Bà Nguyễn Ngọc Linh hỏi về thời điểm lập hóa đơn. Cục Thuế TP Hà Nội có ý kiến như sau:

Căn cứ Nghị định 123/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định về hóa đơn, chứng từ.

Căn cứ Khoản 2 Điều 16 Thông tư số 39/2014/TT-BTC ngày 31/3/2014 của Bộ Tài chính

Căn cứ quy định tại Thông tư số 10/2014/TT-BTC ngày 17/01/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn xử phạt vi phạm hành chính về hóa đơn.

Căn cứ các quy định trên, Cục Thuế TP Hà Nội có ý kiến sau

Trong thời gian từ ngày Nghị định 123/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 được ban hành đến ngày 30/6/2022, các Nghị định số 51/2010/NĐ-CP ngày 14/5/2010 và số 04/2014/NĐ-CP ngày 17/01/2014 của Chính phủ quy định về hóa đơn bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ vẫn còn hiệu lực thi hành.

Trong thời gian nêu trên, trường hợp cơ quan chưa thông báo đơn vị chuyển đổi để sử dụng hóa đơn điện tử theo Nghị định 119/2018/NĐ-CP, Nghị định 123/2020/NĐ-CP thì đơn vị vẫn áp dụng hóa đơn theo quy định tại Nghị định số 51/2010/NĐ-CP, Nghị định 04/2014/NĐ-CP và các văn bản hướng dẫn thi hành. Theo đó:

Ngày lập hóa đơn đối với dịch vụ cung ứng là ngày hoàn thành việc cung ứng dịch vụ, không phân biệt đã thu được tiền hay chưa thu được tiền. Trường hợp tổ chức cung ứng dịch vụ thực hiện thu tiền trước hoặc trong khi cung ứng dịch vụ thì ngày lập hóa đơn là ngày thu tiền theo quy định tại Khoản 2 Điều 16 thông tư số 39/2014 ngày 31/3/2014 của Bộ Tài chính.

Trường hợp đơn vị thực hiện nhiều hành vi vi phạm hành chính về hóa đơn hoặc vi phạm hành chính về hóa đơn nhiều lần thì bị xử phạt về từng hành vi vi phạm. Trường hợp đơn vị lập hóa đơn không đúng thời điểm thì xử phạt theo quy định tại Khoản 3 Điều 11 Thông tư số 10/2014/TT-BTC ngày 17/1/2014 của Bộ Tài chính.

CÁC CÔNG VĂN LIÊN QUAN ĐẾN CHÍNH SÁCH THUẾ

9. Công văn số 102272/CTHN-TTHT ngày 26 tháng 11 năm 2020 của Cục Thuế TP Hà Nội về việc định dạng điền MST người mua trên hóa đơn.

Cục Thuế TP Hà Nội nhận được Công văn hỏi không số đề ngày 11/11/2020 của Công ty TNHH Sugiko Việt Nam hỏi về định dạng điền mã số thuế của người mua trên hóa đơn. Cục Thuế TP Hà Nội có ý kiến như sau:

Trong thời gian từ ngày Nghị định 123/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 được ban hành đến ngày 30/6/2022, các Nghị định số 51/2010/NĐ-CP ngày 14/5/2010 và số 04/2014/NĐ-CP ngày 17/01/2014 của Chính phủ quy định về hóa đơn bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ vẫn còn hiệu lực thi hành.

Trong thời gian nêu trên, trường hợp cơ quan chưa thông báo đơn vị chuyển đổi để sử dụng hóa đơn điện tử theo Nghị định 119/2018/NĐ-CP, Nghị định 123/2020/NĐ-CP thì đơn vị vẫn áp dụng hóa đơn theo quy định tại Nghị định số 51/2010/NĐ-CP, Nghị định 04/2014/NĐ-CP và các văn bản hướng dẫn thi hành. Theo đó:

Hóa đơn điện tử đã lập phải có các nội dung bắt buộc theo quy định tại Điều 6 Thông tư số 32/2011/TT-BTC ngày 14/3/2011 của Bộ Tài chính và Khoản 1 Điều 4 Thông tư số 39/2014/TT-BTC ngày 31/3/2014 của Bộ Tài chính. Ngoài các nội dung bắt buộc trên hóa đơn đã lập, Công ty có thể tạo thêm các nội dung không bắt buộc theo hướng dẫn tại Khoản 2 Điều 4 Thông tư số 39/2014/TT-BTC ngày 31/3/2014 của Bộ Tài chính.

Kiến thức Pháp luật

- 23 Quy định tại khoản 6 Điều 8 Nghị định số 126 nhằm đảm bảo công bằng cho người nộp thuế.
- 24 Các chi phí để tính thuế đối với doanh nghiệp có giao dịch liên kết?
- 27 Cho phép trừ các khoản chi ủng hộ, tài trợ cho các hoạt động phòng, chống dịch covid-19 khi xác định thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp.
- 28 Chính thức triển khai Hệ thống miễn, giảm, hoàn, không thu thuế, xử lý tiền thuế nợ thừa điện tử.



Quy định tại khoản 6 Điều 8 Nghị định số 126 nhằm đảm bảo công bằng cho người nộp thuế.

Liên quan đến nội dung các bài báo “Quy định thuế mới tận thu, bất hợp lý” và “Quy định thuế mới chưa thúc đẩy sản xuất, kinh doanh cuối năm” trên Báo Thanh Niên, Tổng cục Thuế đã có phản hồi chính thức về vấn đề này.

Cụ thể, thông tin báo chí cho rằng, Nghị định 126/2020/NĐ-CP quy định, trường hợp người nộp thuế nộp thiếu số thuế phải tạm nộp 3 quý đầu năm (75%) thì phải nộp tiền chậm nộp tính trên số thuế nộp thiếu.

Theo Tổng cục Thuế, thực hiện chủ trương cải cách, đơn giản hóa thủ tục hành chính cho doanh nghiệp, Tổng cục Thuế đã báo cáo Bộ Tài chính trình Chính phủ ban hành Nghị định số 91/2014/NĐ-CP ngày 01/10/2014 và trình Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 151/2014/TT-BTC ngày 10/10/2014, theo đó bãi bỏ quy định về kê khai thuế thu nhập doanh nghiệp tạm tính hàng quý và kê khai quyết toán theo năm, thay bằng quy định tạm nộp thuế thu nhập doanh nghiệp hàng quý và kê khai quyết toán theo năm.

Theo đó, Doanh nghiệp căn cứ vào số thuế thu nhập doanh nghiệp của năm trước và dự kiến kết quả sản xuất kinh doanh trong năm để xác định số thuế thu nhập doanh nghiệp tạm nộp các quý trong năm sát với thực tế kết quả sản xuất kinh doanh. Quy định về tính tiền chậm nộp đối với việc thực hiện tạm nộp thuế được xác định theo thời điểm hạn nộp thuế quý bốn của doanh nghiệp, theo đó trường hợp tổng số thuế tạm nộp trong kỳ tính thuế thấp hơn số thuế TNDN phải nộp theo quyết toán từ 20% trở lên thì doanh nghiệp phải nộp tiền chậm nộp đối với phần chênh lệch từ 20% trở lên giữa số thuế tạm nộp với số thuế phải nộp theo quyết toán tính từ ngày tiếp sau ngày cuối cùng của thời hạn nộp thuế quý bốn của doanh nghiệp đến ngày thực nộp số thuế còn thiếu so với số quyết toán.

Tuy nhiên, từ khi thực hiện Nghị định số 91/2014/NĐ-CP, thực tế triển khai cho thấy, bên cạnh các doanh nghiệp đã tuân thủ tốt quy định tạm nộp thuế TNDN, còn nhiều doanh nghiệp không tuân thủ và lợi dụng quy định về tính tiền chậm nộp này, không thực hiện tạm nộp hàng quý mà để dồn đến thời hạn nộp thuế của quý bốn (4) (thông thường vào ngày 30/01 năm sau) mới nộp thuế vào NSNN. Số thu thuế TNDN phát sinh phải nộp trong năm ngân sách trước bị chiếm dụng và nộp vào năm ngân sách sau gây ảnh hưởng đến cân đối ngân sách nhà nước hàng năm. Đồng thời, không đảm bảo sự công bằng trong việc thực thi pháp luật thuế giữa các doanh nghiệp tuân thủ tốt và các doanh nghiệp không tuân thủ.

Để khắc phục hạn chế nêu trên, Chính phủ đã quy định về tính tiền chậm nộp đối với thuế TNDN tạm nộp trong năm, kê khai quyết toán cuối năm đã được sửa đổi tại điểm b khoản 6 Điều 8 Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ, theo đó trường hợp người nộp thuế nộp thiếu so với số thuế phải tạm nộp 03 quý đầu năm thì phải nộp tiền chậm nộp tính trên số thuế nộp thiếu so với số thuế phải nộp theo quyết toán kể từ ngày tiếp sau ngày cuối cùng của thời hạn tạm nộp thuế thu nhập doanh nghiệp quý 03 đến ngày nộp số thuế còn thiếu vào ngân sách nhà nước.

Việc quy định như trên xuất phát từ thực tế hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Khi sản xuất kinh doanh, các doanh nghiệp đều có phương án và kế hoạch sản xuất kinh doanh hàng năm, và sẽ hoàn toàn chủ động trong việc xác định/ước tính kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm để thực hiện quy định tạm nộp thuế TNDN theo quy định. Nghĩa vụ phải nộp chính thức sẽ được xác định khi doanh nghiệp quyết toán thuế TNDN tại thời điểm kết thúc năm tính thuế. Các trường hợp doanh nghiệp có kết quả tăng bất thường về sản xuất kinh doanh trong quý bốn mà doanh nghiệp không dự kiến được trước không phải là trường hợp phổ biến.

Về hiệu lực của quy định này, Tổng cục Thuế sẽ báo cáo cấp có thẩm quyền để có hướng dẫn cụ thể theo kỳ tính thuế.

Các chi phí để tính thuế đối với doanh nghiệp có giao dịch liên kết?

Nghị định số 132/2020/NĐ-CP vừa được Chính phủ ban hành ngày 5/11/2020 đã quy định chi tiết về cách xác định chi phí để tính thuế đối với doanh nghiệp có giao dịch liên kết. Nghị định áp dụng từ kỳ tính thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2020.

Cụ thể, Nghị định số 132/2020/NĐ-CP đã hướng dẫn chi tiết cách xác định chi phí để tính thuế đối với doanh nghiệp có giao dịch liên kết.

Theo đó, chi phí của giao dịch liên kết không phù hợp bản chất giao dịch độc lập hoặc không góp phần tạo ra doanh thu, thu nhập cho hoạt động sản xuất, kinh doanh của người nộp thuế không được tính vào chi phí được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ, bao gồm 03 khoản sau:

- Chi phí thanh toán cho bên liên kết không thực hiện bất kỳ hoạt động sản xuất, kinh doanh nào liên quan đến ngành nghề, hoạt động sản xuất, kinh doanh của người nộp thuế; không có quyền lợi, trách nhiệm liên quan đối với tài sản, hàng hóa, dịch vụ cung cấp cho người nộp thuế.
- Chi phí thanh toán cho bên liên kết có hoạt động sản xuất, kinh doanh nhưng quy mô tài sản, số lượng nhân viên và chức năng sản xuất, kinh doanh không tương xứng với giá trị giao dịch mà bên liên kết nhận được từ người nộp thuế.
- Chi phí thanh toán cho bên liên kết là đối tượng cư trú của một nước hoặc vùng lãnh thổ không thu thuế thu nhập doanh nghiệp, không góp phần tạo ra doanh thu, giá trị gia tăng cho hoạt động sản xuất, kinh doanh của người nộp thuế.

Bên cạnh đó, chi phí dịch vụ giữa các bên liên kết được xác định như sau:

Thứ nhất, người nộp thuế được trừ các khoản chi phí dịch vụ vào chi phí tính thuế trong kỳ nếu đáp ứng đủ các điều kiện như sau: Dịch vụ được cung cấp có giá trị thương mại, tài chính, kinh tế và phục vụ trực tiếp cho hoạt động sản xuất kinh doanh của người nộp thuế; dịch vụ từ các bên liên kết được xác định đã cung cấp trong điều kiện hoàn cảnh tương tự các bên độc lập chi trả cho các dịch vụ này; phí dịch vụ được thanh toán trên cơ sở nguyên tắc giao dịch độc lập và phương pháp tính giá giao dịch liên kết hoặc phân bổ mức phí dịch vụ giữa các bên liên kết phải được áp dụng thống nhất trong toàn tập đoàn đối với loại hình dịch vụ tương tự và người nộp thuế phải cung cấp hợp đồng, chứng từ, hóa đơn và thông tin về phương pháp tính, yếu tố phân bổ và chính sách giá của tập đoàn đối với dịch vụ được cung cấp.

Trường hợp liên quan đến các trung tâm thực hiện chức năng chuyên môn hóa và hợp lực tạo giá trị tăng thêm của tập đoàn, người nộp thuế phải xác định tổng giá trị tạo ra từ các chức năng này, xác định mức phân bổ lợi nhuận phù hợp với giá trị đóng góp của các bên liên kết sau khi đã trừ mức phí dịch vụ tương ứng cho bên liên kết thực hiện chức năng điều phối, cung cấp dịch vụ của giao dịch độc lập có tính chất tương đồng.

Thứ hai, chi phí dịch vụ không được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế bao gồm: Chi phí phát sinh từ các dịch vụ được cung cấp chỉ nhằm mục đích phục vụ lợi ích hoặc tạo giá trị cho các bên liên kết khác; dịch vụ phục vụ lợi ích cổ đông của bên liên kết; dịch vụ tính phí trùng lặp do nhiều bên liên kết cung cấp cho cùng một loại

dịch vụ, không xác định được giá trị gia tăng cho người nộp thuế; dịch vụ về bản chất là các lợi ích người nộp thuế nhận được do là thành viên của một tập đoàn và chi phí mà bên liên kết cộng thêm đối với dịch vụ do bên thứ ba cung cấp thông qua trung gian bên liên kết không đóng góp thêm giá trị cho dịch vụ.

Theo Nghị định số 132/2020/NĐ-CP, tổng chi phí lãi vay được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp đối với doanh nghiệp có giao dịch liên kết được quy định như sau:

Một là, tổng chi phí lãi vay sau khi trừ lãi tiền gửi và lãi cho vay phát sinh trong kỳ của người nộp thuế được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp không vượt quá 30% của tổng lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trong kỳ cộng chi phí lãi vay sau khi trừ lãi tiền gửi và lãi cho vay phát sinh trong kỳ cộng chi phí khấu hao phát sinh trong kỳ của người nộp thuế.

Hai là, phần chi phí lãi vay không được trừ theo quy định tại điểm a được chuyển sang kỳ tính thuế tiếp theo khi xác định tổng chi phí lãi vay được trừ trong trường hợp tổng chi phí lãi vay phát sinh được trừ của kỳ tính thuế tiếp theo thấp hơn mức quy định tại điểm a khoản này. Thời gian chuyển chi phí lãi vay tính liên tục không quá 05 năm kể từ năm tiếp sau năm phát sinh chi phí lãi vay không được trừ.

Ba là, quy định tại phần một sẽ không áp dụng với các khoản vay của người nộp thuế là tổ chức tín dụng theo Luật Các tổ chức tín dụng; tổ chức kinh doanh bảo hiểm theo Luật Kinh doanh bảo hiểm; các khoản vay vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA), vay ưu đãi của Chính phủ thực hiện theo phương thức Chính phủ đi vay nước ngoài cho các doanh nghiệp vay lại; các khoản vay thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia (chương trình nông thôn mới và giảm nghèo bền vững); các khoản vay đầu tư chương trình, dự án thực hiện chính sách phúc lợi xã hội của Nhà nước (nhà ở tái định cư, nhà ở công nhân, sinh viên, nhà ở xã hội và dự án phúc lợi cộng đồng khác).

Bốn là, người nộp thuế kê khai tỷ lệ chi phí lãi vay trong kỳ tính thuế theo hướng dẫn tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định này.

Nghị định có hiệu lực từ ngày 20/12/2020 và thay thế cho Nghị định số 20/2017/NĐ-CP ngày 24/2/2017 và Nghị định số 68/2020/NĐ-CP ngày 24/6/2020 của Chính phủ quy định về quản lý thuế đối với doanh nghiệp có giao dịch liên kết.

Cho phép trừ các khoản chi ủng hộ, tài trợ cho các hoạt động phòng, chống dịch covid-19 khi xác định thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp.

Thời gian vừa qua, trong bối cảnh, dịch bệnh COVID-19 đang diễn biến phức tạp trên thế giới cũng như tại Việt Nam, hưởng ứng lời kêu gọi của Chính phủ, với mong muốn góp phần công sức nhằm đẩy lùi đại dịch, nhiều doanh nghiệp, tổ chức đã cùng chung tay quyên góp ủng hộ các hoạt động chống dịch Covid-19 của đất nước. Đây là các hoạt động hết sức thiết thực và quan trọng, góp phần giảm tải gánh nặng cho Chính phủ và ngành Y tế, hỗ trợ Đảng, Chính phủ, MTTQ Việt Nam ngăn chặn và đẩy lùi dịch bệnh.

Vậy đối với khoản chi phí ủng hộ, tài trợ nói trên, các doanh nghiệp có được tính vào chi phí được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp không?

Tại Nghị quyết 84/NQ-CP ngày 29/5/2020 của Chính phủ về các nhiệm vụ, giải pháp tiếp tục tháo gỡ khó khăn cho sản xuất kinh doanh, thúc đẩy giải ngân vốn đầu tư công và bảo đảm trật tự an toàn xã hội trong bối cảnh đại dịch Covid-19, trong phần các nhiệm vụ, giải pháp thuộc thẩm quyền của Chính phủ, để tiếp tục tháo gỡ khó khăn cho sản xuất kinh doanh, hỗ trợ đối tượng bị ảnh hưởng bởi dịch Covid-19, có nội dung: "Cho phép các khoản đóng góp, ủng hộ trong các hoạt động chống dịch Covid-19 là khoản chi phí hợp lý được trừ khi tính thuế thu nhập doanh nghiệp".

Ngày 10/10/2020, Chính phủ đã thông qua Nghị quyết số 149/NQ-CP về phiên họp Chính phủ thường kỳ tháng 9 năm 2020, trong đó thống nhất đề nghị của Bộ Tài chính tại Tờ trình số 175/TTr-BTC ngày 01 tháng 10 năm 2020 về việc báo cáo Quốc hội cho phép coi các khoản đóng góp, ủng hộ trong các hoạt động chống dịch Covid-19 là khoản chi phí hợp lý được trừ khi tính thuế thu nhập doanh nghiệp.

Ngày 12/11/2020, thực hiện chương trình Kỳ họp thứ 10 Quốc hội khóa XIV, Quốc hội đã biểu quyết thông qua Nghị quyết về dự toán ngân sách nhà nước (NSNN) năm 2021, trong đó có nội dung hướng dẫn cho phép được tính vào chi phí được trừ của doanh nghiệp, tổ chức các khoản chi ủng hộ, tài trợ cho các hoạt động phòng, chống dịch Covid-19 khi xác định thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp.

Như vậy, Quốc hội, Chính phủ đã thống nhất khoản chi ủng hộ, tài trợ chống dịch Covid-19 là chi phí được trừ khi tính thuế TNDN. Hiện nay, Tổng cục Thuế đang tham mưu Bộ Tài chính dự thảo, trình Chính phủ ban hành Nghị định hướng dẫn về nội dung này để áp dụng từ năm 2020.

Chính thức triển khai Hệ thống miễn, giảm, hoàn, không thu thuế, xử lý tiền thuế nộp thừa điện tử.

Tổng cục Hải quan mới ban hành Công văn số 7373/TCHQ-TXNK. Theo đó từ ngày 23/11/2020 Tổng cục Hải quan chính thức Triển khai Hệ thống miễn, giảm, hoàn, không thu thuế, xử lý tiền thuế nộp thừa điện tử.

Hệ thống miễn, giảm, hoàn, không thu thuế, xử lý tiền thuế nộp thừa điện tử (viết tắt là Hệ thống MGH) được xây dựng theo phê duyệt tại Quyết định số 3535/QĐ-TCHQ ngày 27/11/2018 của Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan.

Hệ thống được áp dụng thí điểm từ ngày 1/9/2020 tại Cục Hải quan Thành phố Hà Nội và Cục Hải quan tỉnh Bắc Ninh. Trong hơn 2 tháng thử nghiệm, Hệ thống MGH đã cho thấy kết quả tích cực, đáp ứng được các yêu cầu đặt ra.

Do đó, Tổng cục Hải quan quyết định áp dụng triển khai trên toàn quốc từ ngày 23/11/2020. Riêng phân hệ xử lý miễn thuế hàng hóa nhập khẩu phục vụ trực tiếp an ninh, quốc phòng, Tổng cục Hải quan sẽ có thông báo triển khai sau.

Việc triển khai Hệ thống miễn, giảm, hoàn, không thu thuế, xử lý tiền thuế nộp thừa điện tử trên toàn quốc sẽ góp phần đẩy nhanh công tác xử lý miễn, giảm, hoàn thuế chính xác tại các đơn vị trực tiếp thực hiện nghiệp vụ.

Bên cạnh đó, Hệ thống MGH cũng giảm thời gian xử lý nghiệp vụ hải quan, theo hướng tự động xác định tờ khai có hàng hóa tạm nhập tái xuất, có cơ chế kiểm tra và đưa ra cảnh báo cho cán bộ hải quan đối với những tờ khai sắp hết thời gian ân hạn, hoặc quá thời gian ân hạn mà chưa làm thủ tục liên quan...

Để tham gia hệ thống MGH, doanh nghiệp sử dụng tài khoản đang sử dụng khai báo trên hệ thống VNACCS để đăng nhập vào Hệ thống tại địa chỉ <https://mgh.customs.gov.vn> hoặc <https://mgh.customs.gov.vn/MGHTDN>. Doanh nghiệp có thể khai thác tài liệu hướng dẫn sử dụng ngay sau khi truy cập vào Hệ thống.

Để triển khai Hệ thống, Tổng cục Hải quan yêu cầu các Cục Hải quan tỉnh, thành phố nghiên cứu kỹ Quyết định 3535/QĐ-TCHQ ngày 27/11/2018 của Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan về việc phê duyệt đề án “miễn thuế, giảm thuế, hoàn thuế, không thu thuế và xử lý tiền thuế nộp thừa điện tử” để triển khai thực hiện công tác miễn, giảm, hoàn, không thu thuế, xử lý tiền thuế nộp thừa trên Hệ thống MGH đến từng cán bộ, công chức và các bộ phận liên quan trong đơn vị.

Đồng thời Tổng cục Hải quan cũng yêu cầu các Cục Hải quan tỉnh, thành phố thành lập Tổ hỗ trợ triển khai Hệ thống MGH tại đơn vị và thông báo thông tin của Tổ hỗ trợ đến cộng đồng doanh nghiệp trên địa bàn quản lý.

Tổng cục Hải quan yêu cầu các đơn vị trực thuộc cần khẩn trương thông báo, tuyên truyền và hướng dẫn cho doanh nghiệp biết để phối hợp thực hiện công tác miễn, giảm, hoàn, không thu thuế, xử lý tiền thuế nộp thừa trên Hệ thống MGH.

Trước đó, ngày 18/11/2020, Tổng cục Hải quan đã ký quyết định số 3204/QĐ-TCHQ thành lập Tổ triển khai Hệ thống MGH và Quyết định số 3205/QĐ-TCHQ thành lập Tổ hỗ trợ triển khai Hệ thống MGH tại cơ quan Tổng cục.

Như vậy, ngoài bộ phận hỗ trợ 24/7 vẫn được duy trì, Doanh nghiệp có thể liên hệ Tổ hỗ trợ triển khai Hệ thống MGH để được hỗ trợ, hướng dẫn doanh nghiệp trong trường có vướng mắc phát sinh.

Việc chính thức triển khai Hệ thống MGH là bước lớn trong cải cách thủ tục hành chính mà Tổng cục Hải quan áp dụng nhằm giải quyết nhiều vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện công tác miễn, giảm, hoàn, không thu thuế, xử lý tiền thuế nộp thừa. Đồng thời Hệ thống MGH còn giúp giảm chi phí cả về thời gian lẫn kinh phí đi lại cho cộng đồng doanh nghiệp.

VĂN BẢN QUẢN LÝ CỦA NHÀ NƯỚC

- | | |
|----|--|
| 31 | Thông tư số: 66/2020/TT-BTC ngày 10 tháng 7 năm 2020 của Bộ Tài chính. |
| 32 | Thông tư số: 02/2020/TT-BXD ngày 20 tháng 7 năm 2020 của Bộ Xây dựng. |
| 33 | Nghị định số: 88/2020/NĐ-CP ngày 28 tháng 7 năm 2020 của Chính phủ. |
| 34 | Thông tư số: 73/2020/TT-BTC ngày 07 tháng 8 năm 2020 của Bộ Tài chính. |



Thông tư số: 66/2020/TT-BTC ngày 10 tháng 7 năm 2020 của Bộ Tài chính.

Ngày 10 tháng 7 năm 2020 Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 66/2020/TT-BTC về Ban hành quy chế mẫu về Kiểm toán nội bộ áp dụng cho doanh nghiệp.

Cụ thể, Quy chế mẫu về kiểm toán nội bộ áp dụng cho doanh nghiệp gồm 04 Chương với các nội dung cần có như sau:

Thứ nhất, Chương I quy định chung về phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng, mục tiêu của kiểm toán nội bộ, phạm vi của kiểm toán nội bộ, nguyên tắc đạo đức nghề nghiệp kiểm toán nội bộ, năng lực chuyên môn của kiểm toán nội bộ, quyền hạn và trách nhiệm của người làm công tác kiểm toán nội bộ...

Thứ hai, Chương II quy định về hoạt động kiểm toán nội bộ, gồm các nội dung về phương pháp thực hiện kiểm toán nội bộ, kế hoạch kiểm toán nội bộ, quy trình kiểm toán nội bộ, báo cáo kiểm toán và kiểm tra việc thực hiện kiến nghị kiểm toán...

Thứ ba, Chương III quy định về trách nhiệm của các bên đối với kiểm toán nội bộ, trong đó có các Điều về trách nhiệm của Hội đồng quản trị/Hội đồng thành viên/Chủ tịch công ty/Ủy ban kiểm toán (hoặc cơ quan/bộ phận trực thuộc được ủy quyền bởi Hội đồng quản trị/Hội đồng thành viên/Chủ tịch công ty)/Ban kiểm soát (nếu có)/Tổng giám đốc/Giám đốc/Lãnh đạo các bộ phận, đơn vị trong doanh nghiệp.

Thứ tư, Chương IV quy định về điều khoản thi hành Quy chế.

Thông tư này có hiệu lực từ ngày 01/9/2020.

Thông tư số: 02/2020/TT-BXD ngày 20 tháng 7 năm 2020 của Bộ Xây dựng.

Ngày 20 tháng 7 năm 2020 Bộ Xây dựng ban hành Thông tư số 02/2020/TT-BXD về Sửa đổi, bổ sung một số điều của 04 Thông tư có liên quan đến quản lý chi phí đầu tư xây dựng.

Theo quy định về thẩm quyền thẩm định và phê duyệt dự toán xây dựng: Đối với gói thầu chìa khóa trao tay và gói thầu hỗn hợp thì dự toán gói thầu phải được người quyết định đầu tư tổ chức thẩm định và phê duyệt trước khi lựa chọn nhà thầu. Trường hợp cần thiết, người quyết định đầu tư xem xét, ủy quyền để Chủ đầu tư thẩm định, phê duyệt dự toán chi phí khảo sát cùng với nhiệm vụ khảo sát.

Đối với dự toán chi phí các công việc chuẩn bị để lập thiết kế kỹ thuật, thiết kế bản vẽ thi công được xác định bằng tỷ lệ % hoặc bằng dự toán chi tiết theo quy định và đã được thẩm định, phê duyệt trong tổng mức đầu tư thì không phải thẩm định, phê duyệt lại.

Thông tư cũng bổ sung liệt kê các chi phí khác được tính trong tổng mức đầu tư xây dựng gồm: Chi phí di chuyển máy, thiết bị thi công đặc chủng đến và ra khỏi công trường; chi phí đảm bảo an toàn giao thông phục vụ thi công; chi phí hoàn trả hạ tầng kỹ thuật do bị ảnh hưởng khi thi công xây dựng; chi phí kho bãi chứa vật liệu...

Về sử dụng chi phí dự phòng, trong quá trình triển khai thực hiện hợp đồng, Chủ đầu tư quyết định việc sử dụng chi phí dự phòng trong phạm vi chi phí dự phòng đã được Người quyết định đầu tư phê duyệt khi xác định, cập nhật giá gói thầu.

Thông tư có hiệu lực thi hành kể từ ngày 05/9/2020.

Nghị định số: 88/2020/NĐ-CP ngày 28 tháng 7 năm 2020 của Chính phủ.

Ngày 28 tháng 7 năm 2020 Chính phủ ban hành Nghị định số 88/2020/NĐ-CP về Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật An toàn, vệ sinh lao động về bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp bắt buộc.

Theo đó, người sử dụng lao động được hỗ trợ kinh phí đào tạo nghề để chuyển đổi nghề nghiệp cho người lao động khi có đủ các điều kiện sau: Suy giảm khả năng lao động do bị tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp từ 31% trở lên; Được người sử dụng lao động sắp xếp công việc mới thuộc thẩm quyền quản lý phù hợp với sức khỏe; Đang tham gia bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp theo quy định.

Bên cạnh đó, người lao động được hỗ trợ khám bệnh nghề nghiệp khi có đủ các điều kiện: Thời gian đóng bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp đủ từ 12 tháng trở lên; Được phát hiện bệnh nghề nghiệp tại các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh nghề nghiệp. Mức hỗ trợ bằng 50% chi phí khám bệnh nghề nghiệp tính theo biểu giá khám.

Ngoài ra, người sử dụng lao động được nhận kinh phí hỗ trợ tối đa một lần trong vòng 24 tháng với mức 70% chi phí huấn luyện thực tế cho từng đối tượng đủ điều kiện, cụ thể: Không quá 150.000 đồng/người với đối tượng được huấn luyện là an toàn vệ sinh viên; Không quá 300.000 đồng/người với đối tượng được huấn luyện là người quản lý phụ trách an toàn, vệ sinh lao động và người làm công tác y tế;

Nghị định này có hiệu lực kể từ ngày 15/9/2020.

Nghị định này làm hết hiệu lực Nghị định 37/2016/NĐ-CP quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật An toàn, vệ sinh lao động về bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp bắt buộc.

Thông tư số: 73/2020/TT-BTC ngày 07 tháng 8 năm 2020 của Bộ Tài chính.

Ngày 07 tháng 8 năm 2020 Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 73/2020/TT-BTC về Sửa đổi, bổ sung một số điều của thông tư số 134/2017/TT-BTC ngày 19 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn giao dịch điện tử trên thị trường chứng khoán.

Theo đó, bổ sung thuật ngữ sau: Lần thực hiện giao dịch là lần nhà đầu tư đăng nhập hệ thống giao dịch chứng khoán trực tuyến để thực hiện các lệnh giao dịch chứng khoán trực tuyến.

Ngoài ra, khi đặt lệnh qua điện thoại, nhà đầu tư phải sử dụng số điện thoại đặt lệnh và phải cung cấp thông tin để xác thực theo quy định thay vì cung cấp tối thiểu các thông tin sau: số tài khoản giao dịch, thông tin xác thực như quy định cũ. Mỗi lần thực hiện giao dịch chứng khoán trực tuyến, nhà đầu tư phải thực hiện xác thực theo quy định.

Bên cạnh đó, thông tin trên phiếu lệnh điện tử là thiết bị đặt lệnh, địa chỉ vật lý của thiết bị đặt lệnh hoặc thông tin nhận dạng khác đảm bảo tính duy nhất của thiết bị đặt lệnh được sửa đổi thành thông tin định danh thiết bị đặt lệnh theo quy định mới.

Thông tư có hiệu lực từ ngày 01/10/2020.

Đây là một trong nhiều Bản tin của Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM cập nhật những thông tin, cải cách mới về môi trường pháp lý, thuế và đầu tư của Việt Nam. Mọi thông tin, phân tích hay bình luận trong bản tin này nhằm giới thiệu chung, không thay thế cho bất kỳ lời tư vấn cho một tình huống cụ thể của khách hàng.

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM

TRỤ SỞ CHÍNH

Tầng 8, Cao ốc Văn phòng
VG Building, 235 Nguyễn
Trãi, Q. Thanh Xuân, TP.
Hà Nội, Việt Nam

Tel : 024 3783 2121

Fax: 024 3783 2122

CN. MIỀN NAM

Tầng 4, Tòa nhà Hoàng
Anh Safomec, 7/1 Thành
Thái, P.14, Q.10, TP. Hồ
Chí Minh, Việt Nam

Tel : 028 3832 9969

Fax: 028 3832 9959

CN. MIỀN BẮC

Số 97 Trần Quốc Toản,
phường Trần Hưng Đạo,
quận Hoàn Kiếm, TP. Hà
Nội, Việt Nam

Tel : 024 7306 1268

Fax: 024 7306 1269

VP. ĐẠI DIỆN

Tầng 16, Tòa nhà T01-
C37 Bắc Hà, đường Tố
Hữu, Q.Nam Từ Liêm,
TP. Hà Nội, Việt Nam

Tel : 024 6666 6368

Fax: 024 6666 6368

